TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/10/2018
Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hệ;
2. Bà Vũ Thị Thùy Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2018 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 26/9/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Phương L, sinh năm 1992 - Có mặt.
HKTT: Thôn VT, xã K, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: Thôn PH, xã C, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1982 - Có mặt.
Trú tại: Thôn VT, xã K, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Hoàng Đỗ Minh K, sinh ngày 11/9/2014.
HKTT: Thôn VT, xã K, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
Người làm chứng:
1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1971 - Có mặt.
Trú tại: Thôn PH, xã C, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.
2. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1953 - Có mặt.
Trú tại: Thôn VT, xã K, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người yêu cầu chị Đỗ Thị Phương Loan trình bầy:

Chị Đỗ Phương L và anh Hoàng Văn Đ kết hôn với nhau từ tháng 3 năm 2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thành phố

H. Khi kết hôn, Chị L đã biết anh Đ có tính ham chơi cờ bạc nhưng do đã có thai với anh Đ nên Chị L vẫn tự nguyện kết hôn với anh Đ. Sau khi kết hôn thì Chị L bị xảy thai, sau đó lại có thai trở lại. Khi biết mang thai cháu trai chị L rất mừng, có thể vì con cái thì anh Đ sẽ thay đổi tính nết. Tuy nhiên anh Đ vẫn chứng nào tật ấy, suốt ngày ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, Chị L đã phải vay mượn tiền của anh em bên nhà Chị L để trả nợ cho anh Đ nhiều lần. Ngoài ra anh Đ còn có tính ghen tuông vô cớ, cho rằng Chị L có quan hệ ngoại tình bên ngoài. Rất nhiều lần anh Đ đánh đập Chị L, trưởng thôn và công an viên của xã đến nhắc nhở nhưng anh Đ vẫn đánh đập Chị L. Không thể chịu đựng được nên ngày 25/4/2018 Chị L đã về ở cùng với bố mẹ cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mỗi lần Chị L đón con về được vài ngày thì anh Đ lại gọi điện dọa nạt Chị L là nếu không đưa con về thì Chị L sẽ không được gặp con nữa, do sợ nên Chị L lại đưa con về với anh Đ. Chị L và anh Đ thấy không tiếp tục chung sống được với nhau nên đã thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Vợ chồng thỏa thuận Chị L sẽ nuôi con chung là cháu Hoàng Đỗ Minh K, sinh ngày 11/9/2014; anh Đ đóng góp tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

Tại bản tự khai và các *các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn Đ trình bầy:*

Từ sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ sống bình thường đến tháng 3 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do Chị L nói dối là đi học thêm tiếng anh ở khu cầu Đ, huyện M, tỉnh Hưng Yên nhưng hai lần anh Đ và bố mẹ đẻ Chị L đến tận nơi tìm thì được biết Chị L không hề học ở đó, khi anh Đ hỏi thì Chị L vẫn khẳng định là có đi học. Đến cuối tháng 3 Chị L nói đi học sau đó bị tai nạn xe máy, đến khi đó Chị L mới tự nhận là đã nhiều lần đi chơi và đã viết bản cam kết hứa sẽ không liên quan đến bất cứ mối quan hệ nào nữa. Sau khi viết bản cam kết, mặc dù Chị L không đi chơi nữa nhưng Chị L luôn có thái độ gây sự với anh Đ, tỏ thái độ không hàn gắn dẫn đến có nhiều lần vợ chồng cãi nhau, có lần trong lúc cãi nhau do nóng giận anh Đ đã tát Chị L vài cái. Đầu tháng 4 năm 2018 khi vợ chồng cãi nhau, Chị L có đưa đơn thuận tình ly hôn và bảo anh Đ ký, do đang tức giận nên anh Đ đã ký vào đơn, khi đó Chị L có nói là thử lòng anh Đ nhưng anh Đ đã ký vào đơn ly hôn thì không còn gì nữa nên Chị L vẫn tiếp tục có những thái độ gây sự với anh Đ. Ngày 02/3/2018 (âm lịch) sau khi vợ chồng cãi nhau thì Chị L xin phép mẹ anh Đ rồi về ở cùng bố mẹ đẻ cho đến nay. Trong thời gian Chị L về ở cùng bố mẹ đẻ, anh Đ có nhiều lần sang tìm nhưng Chị L không chịu về và còn nói lúc nào thích thì Chị L về. Mẹ anh Đ cũng đã khuyên nhủ Chị L quay về để vợ chồng cùng nhau làm ăn và chăm sóc con cái nhưng Chị L cũng không nghe. Chị L cho rằng anh Đ chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần là không đúng, anh Đ vay tiền để trang trải chi phí cho việc bố anh Đ bị ung thư và đặt cọc cho Công ty Thái Đăng Long để anh Đ được nhận xe ô tô của công ty về làm khoán. Nay công ty bị phá sản, giám đốc công ty đã bỏ trốn nên anh Đ không lấy được

tiền đặt cọc về, hiện tại xe ô tô vẫn để ở nhà. Nay xét thấy vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng cũng chưa đến mức trầm trọng, việc ký vào đơn ly hôn là do anh Đ nóng giận khi vợ chồng đang cãi nhau. Vì vậy anh Đ có nguyện vọng đề nghị Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng được đoàn tụ, cùng nhau nuôi dậy con chung. Nếu phải ly hôn anh Đ xin được nuôi cháu K và không yêu cầu Chị L phải đóng góp tiền nuôi con chung. Trong trường hợp Chị L cố tình ly hôn, anh Đ sẽ có đơn cụ thể đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Do chị Đỗ Phương L và anh Hoàng Văn Đ có đơn yêu cầu công nhận thuận thuận tình ly hôn nên Tòa án đã tiến hành hòa giải. Tại phiên hòa giải, người yêu cầu anh Hoàng Văn Đ vẫn giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn và có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu Chị L phải đóng góp tiền nuôi con. Vì vậy Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự và chuyển thành vụ án dân sự giữa nguyên đơn là chị Đỗ Phương L và bị đơn là anh Hoàng Văn Đ.

Sau khi chuyển thành vụ án hôn nhân gia đình thì:

Quan điểm của nguyên đơn Đỗ Phương L: Giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên.

Quan điểm của bị đơn anh Hoàng Văn Đ:

- Về quan hệ hôn nhân: Nhất trí ly hôn vì Chị L quyết tâm ly hôn, anh Đ có níu kéo thì cũng không có hạnh phúc gia đình được.

- Về con chung: Anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm xin được nuôi cháu Hoàng Đỗ Minh K và không yêu cầu Chị L phải đóng góp tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng cùng nhau mua mới 01 chiếc xe máy nhãn hiệu LEAD, Chị L đứng tên đăng ký. Khi mua anh Đ đưa cho Chị L 25 triệu đồng, nay anh Đ yêu cầu Chị L phải trả cho anh Đ số tiền 25 triệu này.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Chợ Gạo số tiền 200 triệu đồng. Mẹ đẻ anh Đ là bà Phạm Thị X đã thế chấp QSDĐ do bà X đứng tên cho ngân hàng và ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng, vợ chồng anh Đ ký tên với tư cách là người thừa kế. Vợ chồng anh Đ dùng số tiền này đặt cọc cho Công ty Thái Đăng Long để anh Đ được nhận xe ô tô của công ty về làm khoán. Anh Đ yêu cầu Chị L phải có trách nhiệm cùng anh Đ trả nợ số tiền đã vay cho ngân hàng.

Tòa án đã giải thích cho anh Đ về thủ tục nộp đơn khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, anh Đ cam kết sẽ nộp đơn khởi kiện cho Tòa án. Tuy nhiên nhiều lần Tòa án triệu tập anh Đ đến để nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nhưng anh Đ không đến nộp đơn và cũng không đến Tòa án làm việc vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai bổ sung của anh Đ, cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Đỗ Phương L giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên.

* Bị đơn anh Hoàng Văn Đ nhất trí ly hôn, giữ nguyên quan điểm về con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

* Quan điểm của đại diện VKSND thành phố H:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố H□ng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đ□a vụ án ra xét xử, yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, Điều 189, Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Phương L được ly hôn anh Hoàng Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Đỗ Minh K, sinh ngày 11/9/2014 cho chị Đỗ Phương L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Văn Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Văn Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị L là 1.000.000đ/tháng. Thời điểm đóng góp tính từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Đỗ Phương L có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Hoàng Văn Đ không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, anh Đ phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Chị Đỗ Phương L và anh Hoàng Văn Đ đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn VT, xã K, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, bản thân anh Đ hiện vẫn đang sinh sống tại địa chỉ này. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành thụ lý đơn khởi kiện theo đúng quy định tại Điều 189 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng như không có mặt đầy đủ theo các giấy triệu tập, gây khó khăn cho tòa án trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ và giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đỗ Phương L và anh Hoàng Văn Đ kết hôn với nhau từ trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, thành phố H ngày 13/3/2013, như vậy hôn nhân giữa Chị L và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng Chị L đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là

do kinh tế. Vì kinh tế không có nên vợ chồng phải đi vay để có tiền góp vào Công ty Thái Đăng Long để công ty giao xe ô tô cho anh Đ nhận về làm khoán. Do công việc không thuận lợi, công ty bị phá sản nên đã ảnh hưởng nhiều đến kinh tế gia đình, anh Đ không đóng góp tiền để chi Loan lo chi tiêu sinh hoạt gia đình. Bên cạnh đó còn có việc anh Đ nghi ngờ Chị L có quan hệ không lành mạnh ở bên ngoài do Chị L đã nói dối về việc đi học thêm tiếng anh nhưng thực tế Chị L lại không đi học. Dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau, có lần anh Đ đã đánh Chị L. Việc vợ chồng Chị L có mâu thuẫn như trên được bà Nguyễn Thị K - mẹ đẻ Chị L và bà Phạm Thị X - mẹ đẻ anh Đ xác nhận. Do mâu thuẫn, Chị L đã sống ly thân với anh Đ từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai không tìm được biện pháp giải quyết mâu thuẫn, thậm chí còn xảy ra cãi nhau, xô xát từ việc đón và chăm sóc con chung. Vì vậy dẫn đến vợ chồng càng mâu thuẫn hơn nên đã thỏa thuận về việc ly hôn và đã có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Sau khi Tòa án thụ ly đơn, mặc dù anh Đ thay đổi yêu cầu và không đồng ý ly hôn nhưng sau đó lại thay đổi quan điểm nhất trí ly hôn vì xác định cũng không thể có hạnh phúc do Chị L cương quyết ly hôn. Như vậy xác định mâu thuẫn giữa anh Đ và Chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân anh Đ cũng nhất trí ly hôn. Việc thuận tình ly hôn là sự tự nguyện của các đương sự và có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung:

Vợ chồng anh Đ, Chị L có một con chung là Hoàng Đỗ Minh K, sinh ngày 11/9/2014, cả Chị L và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, HĐXX nhận thấy:

- Về chỗ ở: Chị L và anh Đ hiện chưa có nhà, đất riêng và đang ở cùng với bố mẹ đẻ. Hai gia đình đều tạo điều kiện về chỗ ở cho cả hai anh chị nếu anh hoặc chị được giao nuôi con. Vì vậy Chị L và anh Đ đều đảm bảo về chỗ ở khi được nuôi cháu K.

- Về điều kiện kinh tế: Hiện tại Chị L là giáo viên Trường chất lượng cao Phước Huệ (trường mầm non), có mức thu nhập ổn định hàng tháng là 7 triệu đồng; anh Đ đang lái xe cho Công ty TNHH Tiến Lương, thu nhập hàng tháng là 11 triệu đồng. Với mức thu nhập này thì cả Chị L và anh Đ đều đủ điều kiện về kinh tế để nuôi cháu K.

- Về điều kiện dạy dỗ và chăm sóc: Cháu K còn nhỏ hiện đang học tại trường mầm non Phước Huệ nơi Chị L đang công tác, các khoản phải đóng góp theo quy định của nhà trường cháu K đều được miễn, vì vậy việc đưa đón, chăm sóc và dậy dỗ cháu sẽ rất thuận lợi. Đối với anh Đ là nam giới, công việc làm lái xe theo công trình nên việc đưa đón, chăm sóc và dậy dỗ cháu sẽ không thuận lợi hơn so với Chị L.

Từ những phân tích trên xét thấy việc giao cháu K cho Chị L nuôi dưỡng sẽ đảm bảo mọi mặt cho cuộc sống của cháu K. Do đó việc Chị L có nguyện vọng được nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận.

Anh Đ không được tiếp nuôi con chung nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị L yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Theo hướng dẫn tại Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao thì mức đóng góp nuôi một người con tối thiểu không dưới 1/2 mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử. Mức lương cơ bản hiện tại là 1.390.000đ/tháng nên mức đóng góp thấp nhất tại thời điểm xét xử sơ thẩm sẽ là 695.000đ/tháng. Xét mức thu nhập của anh Đ hiện tại là 11 triệu đồng/tháng nên Hội đồng xét xử quyết định mức đóng góp nuôi con chung đối với anh Đ là 1.000.000đ/tháng, thời hạn đóng góp kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh Đ có yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên Tòa án đã rất nhiều lần triệu tập nhưng anh Đ không nộp đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tại phiên tòa, anh Đ xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bà Phạm Thị X - mẹ đẻ anh Đ là người vay tiền hộ vợ chồng anh Đ xác định nếu anh Đ không trả được thì bà sẽ trả thay và không yêu cầu giải quyết. Do vậy sẽ không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung của Chị L, anh Đ. Sau này nếu các đương sự có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Phương L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; anh Hoàng Văn Đ phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, Điều 189, Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Phương L và anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đỗ Minh K, sinh ngày 11/9/2014 cho chị Đỗ Phương L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Văn Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Đỗ Phương L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Văn Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị L là 1.000.000đ/tháng. Thời điểm đóng góp tính từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Đỗ Phương L có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Hoàng Văn Đ không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Phương L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ chị Đỗ Phương L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000104 ngày 04/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Chị L đã nộp án phí.

Anh Hoàng Văn Đ phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Phương L, anh Hoàng Văn Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TPHưng Yên;
- Các đ- ơng sự;
- TA tỉnh H- ng Yên;
- THA dân sự TP Hưng Yên;
- L- u hồ sơ.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lý